

Đại từ nhân xưng		Tính từ sở hữu	
I	Tôi	My	Của tôi
You	Bạn	Your	Của bạn
We	Chúng tôi	Our	Của chúng tôi
They	Bọn họ	Their	Của bọn họ
He	Anh ấy	His	Của anh ấy
She	Cô ấy	Her	Của cô ấy
It	Nó	Its	Của nó

I. Choose the correct answer

1. This is her skirt. _____ skirt is blue.

- A. Hers
- B. Her
- C. She
- D. He

2. _____ sister is a teacher.

- A. Our
- B. Ours
- C. Us
- D. We

3. This is _____ new dress

- A. I
- B. mine
- C. me
- D. my

4. Linda is _____ cousin.

A. him

B. he

C. he's

D. his

5. It's _____ dress.

A. Him

B. She

C. Her

D. Them

II. Fill in my, your, his, her, our, their, it

1. I have a watch. This is _____ watch.

2. My friends have sweets. These are _____ sweets

3. Mum has a new bag. That is _____ bag.

4. Peter has a kite. This is _____ kite.

5. Karen has got a dog. _____ name is Bob

6. We have a new cat. _____ cat is a white cat.

7. You have a new toy. This is _____ toy.

8. I have a new book. This is _____ book.

9. They have new cars. These are _____ cars.

10. We have new shoes. These are _____ shoes.